

Số: 441/TB - UBND

Phú Diễn, ngày 11 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách
6 tháng năm 2023 của UBND phường Phú Diễn**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 quận Bắc Từ Liêm;

UBND phường Phú Diễn tổ chức công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2023 cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai

Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2023 (Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Hình thức, địa điểm và thời gian công khai

+ Niêm yết bằng văn bản tại trụ sở UBND phường Phú Diễn

+ Niêm yết trên trang thông tin điện tử của phường Phú Diễn tại địa chỉ: phudien.bactuliem.hanoi.gov.vn

- Thời gian công khai ngày: 11/7/2023

- Thời gian kết thúc công khai ngày 11/8/2023

UBND phường Phú Diễn thông báo để cán bộ, công chức, người làm việc thuộc UBND phường biết./.

Nơi nhận:

- TT ĐU (để b/c)
- Trưởng các đoàn thể;
- Tổ trưởng các TDP
- CB CC phường
- Đài truyền thanh; (để thực TT)
- Lưu: VP.-



Nguyễn Ngọc Lương

Đơn vị: UBND phường Phú Diễn

Chương: 799

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện quý I/2023	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	162,000,000	47,000,000	29%	
1	Số thu phí, lệ phí	162.000.000	47.000.000	29%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12,251,955,267	5	0%	
1	Chi quản lý hành chính	10,742,954,267	4.350.770.016	40%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,683,409,267	2,681,860,609	47%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5,059,545,000	1,668,909,407	33%	
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	80,000,000	-	0%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	80.000.000		0%	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	457,248,000	302,122,000	66%	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	457.248.000	302.122.000	66%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	569,960,000		0%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	569,960,000	61,532,500	11%	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	16,800,000		0%	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.800.000		0%	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	286,957,000	234,697,775	82%	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	286.957.000	234.697.775	82%	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	70,036,000		0%	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	70,036,000	-	0%	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	28,000,000	28,000,000	100%	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	28,000,000	28,000,000	100%	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

